

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-03-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Hòa;
- Ông Trần Hữu Thiện.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm - Là Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Bảo Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 717/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, về: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; CCCD số 038178021848; HKTT: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã B, tỉnh Thanh Hóa); Chỗ ở hiện nay: Số I, tổ B, khu phố T, phường H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1983; CCCD 072083009599; Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 07/4/2003 (giấy chứng nhận kết hôn số 41/2003 ngày 07/4/2003).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Nguyễn Hoàng A không lo làm ăn, thường xuyên gây nợ buộc bà phải trả thay, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Không thể tiếp tục chung sống, bà đã chuyển đi nơi khác sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Hiện bà và con sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, còn ông Nguyễn Hoàng A sinh sống tại tỉnh Tây Ninh; hai bên

không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Bà được biết ông Nguyễn Hoàng A đang chung sống với người phụ nữ khác.

Do có nhu cầu vay vốn ngân hàng để lo cho con ăn học nhưng không thực hiện được vì chưa ly hôn, bà đã liên hệ ông Nguyễn Hoàng A để làm thủ tục ly hôn nhưng ông không hợp tác. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 27/02/2004. Từ khi ly thân, con do bà trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Hoàng A không quan tâm, chăm sóc. Nay cháu N đã thành niên và đang học năm thứ 4 Trường Đại học Đ, chuyên ngành Kế toán, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Ông Nguyễn Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến.*

** Tại phiên tòa: Đại diện VKSND khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông Hoàng A.

+ Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D ngày 07/4/2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2003). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Hoàng A là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Hoàng A không lo làm ăn, thường xuyên gây nợ dẫn đến vợ chồng bất hòa. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Thực tế thời gian ly thân kéo dài nhiều năm, mỗi người sinh sống một nơi, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi, thể hiện sự không thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Hoàng A.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 27/02/2004. Đến thời điểm xét xử, cháu N đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và bà L không yêu cầu giải quyết về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không có ý kiến gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0012087 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV11-TN;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Truông Mít;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Phương